

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/HS-PT
Ngày: 23/9/2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Ông Lê Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng V - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 108/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2024/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 12/01/1989, tại tỉnh Long An. Nơi thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nơi ở hiện tại: Khu phố P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị L (đã chết); vợ Trần Thị Hồng N, có 01 người con, sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 42/2013/HSST, ngày 05/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An và Bản án số 237/2013/HSPT ngày 28/11/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/4/2014 và Quyết định số 104/2018/QĐ-XPVPHC, ngày 19/8/2018 của Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh, xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 4.000.000 đồng về hành vi “Vận chuyển hàng cấm”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị gồm: Nguyễn Anh T1, Nguyễn Thành N1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Châu Thị M, Lý Trọng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 24/01/2024 Lê Văn T gặp Nguyễn Thành N1 tại 01 con hẻm thuộc khu phố P, thị trấn C, Tào hỏi N1 còn ma túy không cho T sử dụng, N1 nói có, rồi đưa cho T 01 ống thủy tinh và 01 gói ma túy đá. T đem về gần nhà của mình, dùng lửa hơ nóng và thổi ống thủy tinh thành nỏ, Tào bỏ hết số ma túy N1 đưa vào nỏ sử dụng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, do muốn tiếp tục sử dụng ma túy nên N1 liên lạc rủ T hùn tiền mua ma túy về sử dụng, T nói không có tiền và kêu N1 ứng tiền trước khi nào có thì T gửi lại, N1 đồng ý. N1 liên lạc cho Nguyễn Anh T1 đặt mua 01 gói ma túy đá, với giá 200.0000 đồng. T1 hẹn địa điểm giao nhận ma túy là tại khu vực chùa P, thuộc khu phố K, thị trấn C. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số: 62M1-615.47 (xe của bà Châu Thị M, là mẹ vợ của T) đến nhà N1, do đang bậncon nên N1 đưa cho T 01 điện thoại di động, sim0933.643.594 và số tiền 200.000 đồng để T liên lạc với T1 mua ma túy. Tào điều khiển xe mô tô đến địa điểm mà T1 chỉ dẫn qua điện thoại. Khi T đi vào đường T khu phố K, thị trấn C, huyện C thì dừng xe đợi T1 đến. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô biển số: 54T2-9220 đến (xe của anh Lý Trọng H, là anh em bạn dì với T1), T đưa cho T1 200.000 đồng, T1 quan sát xung quanh không thấy ai, rồi lấy 01 gói ma túy được dán trên tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng đưa cho T, T cất giấu gói ma túy vào túi quần tây bên trái đang mặc trên người thì bị Công an thị trấn C bắt quả tang. Ngoài ra, vào ngày 15/01/2024 tại Hương lộ A, thuộc khu phố K, thị trấn C, huyện C, T1 còn bán 01 gói ma túy đá, với giá 300.000 đồng cho N1.

Tại Kết luận giám định số 67/KL-KTHS ngày 31/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận: 01 (một) gói nylon màu trắng được hàn kín chứa tinh thể rắn màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2298 gam, loại Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 397/KL-KTHS ngày 07/6/2024 của Phòng kỹ thuật Hình Công an tỉnh L, kết luận: Nổ tinh màu trắng được đóng gói niêm phong gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, xác định: Do muốn có ma túy để sử dụng nên trong khoảng thời gian vào ngày 15/01/2024 và ngày 24/01/2024, Nguyễn Anh T1 đã 02 lần mua ma túy từ đối tượng tên Q (không rõ lai lịch) tại khu vực chợ N2, Phường A, Quận H, Thành H. Sau khi mua ma túy, T1 sử dụng một phần, phần còn lại bán cho Nguyễn Thành N1 02 lần. Cụ thể: Lần 01 là vào ngày

15/01/2024 N1 là người nhận ma túy, địa điểm mua, bán ma túy là tại Hương lộ A, thuộc khu phố K, thị trấn C. Lần 02 là vào ngày 24/01/2024, T là người nhận ma túy, địa điểm mua bán ma túy tại đường T, thuộc khu phố K, thị trấn C, huyện C, thì bị bắt quả tang. Bị cáo T1 không thu lợi từ 02 lần bán ma túy.

Tại Bản cáo trạng số 56/CT-VKSCG ngày 02/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố:

Nguyễn Anh Tuấn về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Thành N1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Lê Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Anh T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/01/2024.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thành N1 01 (một) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thành N1 02 (hai) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thành N1 phải chấp hành hình phạt chung về hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 25/01/2024.

3. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/01/2024.

Ngoài ra, B thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, về vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng, không oan. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị cáo Lê Văn T trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác với những tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Giữ nguyên Bản sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Lê Văn T kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 340 và Điều 344 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Anh T1 là đối tượng nghiện ma túy, do muốn có ma túy để sử dụng nên đã 02 lần đến khu vực chợ N2, thuộc Phường A, Quận H, Thành H,

mua ma túy đá của 01 đối tượng tên Q (không rõ nhân thân). Sau khi mua ma túy, bị cáo T1 sử dụng một phần, phần còn lại bán 02 lần cho bị cáo N1. Cụ thể: Lần 01: ngày 15/01/2024 bán cho N1 01 gói ma túy, với giá 300.000 đồng. Lần 02: ngày 24/01/2024 bán cho N1 01 gói ma túy, với giá 200.000 đồng (bị cáo T là người nhận ma túy) cả hai lần bán ma túy đều tại khu phố K, thị trấn C. Khi bán ma túy lần hai, vừa giao nhận ma túy xong thì bị Cơ quan an bắt quả tang. Do đó hành vi trên của bị cáo T1 đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt là “*Phạm tội hai lần trở lên*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 không thu lợi từ 02 lần bán ma túy.

Qua điều tra và tại phiên tòa bị cáo N1 và bị cáo T còn khai nhận là vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 24/01/2024 bị cáo N1 có hành vi cung cấp cho bị cáo T 01 gói ma túy đá và 01 ống thủy tinh, sau khi nhận ma túy và ống thủy tinh, bị cáo T đem ma túy về nhà gần nhà của mình thổi ống thủy tinh thành nỏ và bỏ hết số ma túy N1 đưa vào nỏ sử dụng. Theo Kết luận giám định số 397/KL-KTHS ngày 07/6/2024 của Phòng kỹ thuật Hình Công an tỉnh L, kết luận: Nỏ thủy tinh màu trắng được đóng gói niêm phong gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine. Do đó hành vi trên của bị cáo N1 đã cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, vào lúc 13 giờ 40 phút, ngày 24/01/2024 khi bị cáo T đưa cho bị cáo T1 200.000 đồng để mua 01 gói ma túy đá, T1 lấy 01 gói ma túy được dán trên tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng đưa cho T. Khi vừa giao nhận xong ma túy thì bị Công an thị trấn C kiểm tra hành chính thì phát hiện trong túi quần tây bên trái đang mặc trên người của bị cáo T có 01 gói nylon màu trắng có rãnh khẹp viền trắng chứa chất tinh thể màu trắng. Theo Kết luận giám định số 67/KL-KTHS ngày 31/01/2024 của Phòng kỹ thuật Hình Công an tỉnh L, kết luận: 01 (một) gói nylon màu trắng chứa tinh thể rắn màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2298 gam, loại Methamphetamine. Tại phiên tòa bị cáo N1 và bị cáo T thống nhất khai nhận số tiền 200.000 đồng mua ma túy là của bị cáo N1 đưa cho T và thỏa thuận là cả hai hùn mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng chung. Với hành vi trên và với khối lượng ma túy hai bị cáo tàng trữ là 0,2298 gam, loại Methamphetamine tức có khối lượng trên 0,1 gam đến dưới 05 gam, nên hành vi của bị cáo N1 và T đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự Xét vị trí, vai trò của bị cáo N1 và T đối với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là như nhau: bị cáo N1 là người liên lạc mua ma túy, ứng trước tiền mua ma túy, bị cáo T là người trực tiếp nhận ma túy. Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên không xem xét tình tiết phạm tội có tổ chức.

[3] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Văn T như sau: Xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh gia đình khó khăn; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo: Bị cáo không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Hơn nữa, bị cáo T có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển hàng cấm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Quốc hội, bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, về hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 24/01/2024.

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Quốc hội, bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của B1 sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- CQĐT Công an huyện Cần Giuộc;;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Khánh